

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÂY XANH NHƠN TRẠCH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

Công ty Cổ phần Cây xanh Nhơn Trạch
Đường số 7, Khu đô thị Đông Sài Gòn, xã Long Tân, huyện Nhơn
Trạch, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc

02-03

Báo cáo kiểm toán độc lập

04

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

05-26

Bảng cân đối kế toán

05-06

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

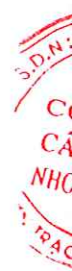
07

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

08

Thuyết minh Báo cáo tài chính

09-26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cây xanh Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cây xanh Nhơn Trạch được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3603438670 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 7, Khu đô thị Đông Sài Gòn, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thanh Vĩnh Toàn	Chủ tịch
Ông Khương Nguyễn Đức Huy	Ủy viên
Ông Phan Tuấn Kiệt	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Khương Nguyễn Đức Huy	Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Tú	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Thùy	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Cây xanh Nhơn Trạch
Đường số 7, Khu đô thị Đông Sài Gòn, xã Long Tân, huyện
Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Khương Nguyễn Đức Huy
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cây xanh Nhơn Trạch

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cây xanh Nhơn Trạch được lập ngày 10 tháng 01 năm 2022, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cây xanh Nhơn Trạch tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2022

Lê Trường Long

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5480-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.663.429.806	11.813.924.862
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	2.030.863.976	543.996.093
111	1. Tiền		2.030.863.976	543.996.093
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		974.767.189	1.866.398.159
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	932.277.449	1.663.696.359
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	17.598.900	18.500.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	24.890.840	184.201.800
140	IV. Hàng tồn kho	07	9.440.840.499	9.259.873.534
141	1. Hàng tồn kho		9.440.840.499	9.259.873.534
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		216.958.142	143.657.076
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	09	170.773.649	99.685.815
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	46.184.493	43.971.261
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		255.991.325	473.564.631
220	II. Tài sản cố định		231.224.645	440.228.772
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	231.224.645	440.228.772
222	- Nguyên giá		1.107.290.366	1.107.290.366
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(876.065.721)	(667.061.594)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		24.766.680	33.335.859
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	09	24.766.680	33.335.859
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.919.421.131	12.287.489.493



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.334.176.004	6.885.222.700
310	I. Nợ ngắn hạn		7.334.176.004	934.933.027
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	5.251.427.905	47.621.450
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		500.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	283.888.723	271.465.242
314	4. Phải trả người lao động		573.003.352	615.846.335
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	625.856.024	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	100.000.000	-
330	II. Nợ dài hạn		-	5.950.289.673
331	1. Phải trả người bán dài hạn	10	-	5.950.289.673
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.585.245.127	5.402.266.793
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	5.585.245.127	5.402.266.793
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.700.000.000	3.700.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.700.000.000	3.700.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.885.245.127	1.702.266.793
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.258.266.793	764.597.965
421b	LNST chưa phân phối năm nay		626.978.334	937.668.828
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>12.919.421.131</u>	<u>12.287.489.493</u>

Lê Thị Thủy
Người lập

Lê Thị Thủy
Kế toán trưởng

Khương Nguyễn Đức Huy
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	15.151.080.622	13.038.559.336
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.151.080.622	13.038.559.336
11	4. Giá vốn hàng bán	16	12.183.544.654	10.081.230.867
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.967.535.968	2.957.328.469
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	1.150.149	931.522
22	7. Chi phí tài chính	18	54.425.298	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		54.425.298	-
25	8. Chi phí bán hàng	19	2.050.000	30.782.800
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	2.121.330.461	1.835.480.270
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		790.880.358	1.091.996.921
31	11. Thu nhập khác	21	342.560	-
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		342.560	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		791.222.918	1.091.996.921
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	164.244.584	154.328.093
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>626.978.334</u>	<u>937.668.828</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	1.695	2.534

Lê Thị Thủy
Người lập

Lê Thị Thủy
Kế toán trưởng

Khương Nguyễn Đức Huy
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		791.222.918	1.091.996.921
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		209.004.127	195.291.407
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.150.149)	(931.522)
06	- Chi phí lãi vay		54.425.298	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.053.502.194	1.286.356.806
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		888.421.782	(86.316.035)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(180.966.965)	(155.569.016)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		448.953.304	(218.514.149)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(62.518.655)	(7.272.694)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(54.425.298)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(163.248.628)	(270.537.254)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.929.717.734	548.147.658
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(160.000.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.150.149	931.522
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.150.149	(159.068.478)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.000.000.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.000.000.000)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(444.000.000)	(370.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(444.000.000)	(370.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.486.867.883	19.079.180
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		543.996.093	524.916.913
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	2.030.863.976	543.996.093

Lê Thị Thủy
Người lập

Lê Thị Thủy
Kế toán trưởng

Khuông Nguyễn Đức Huy
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cây xanh Nhơn Trạch được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3603438670 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 7, Khu đô thị Đông Sài Gòn, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 3.700.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.700.000.000 đồng; tương đương 370.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Xử lý hạt giống để nhân giống.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chí phí mua, chí phí chế biến và các chí phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chí phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chí phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị
- Phương tiện vận tải

05 - 07 năm

06 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 tháng đến 1 năm.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.16 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.18 . Thông tin bộ phận

Do Công ty kinh doanh dịch vụ chăm sóc cây xanh và hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	33.277.820	15.906.989
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.997.586.156	528.089.104
	<u>2.030.863.976</u>	<u>543.996.093</u>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Phát triển KCN Tín Nghĩa	245.080.740	-	264.788.586	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch	159.953.709	-	234.259.980	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	327.590.000	-	653.654.300	-
Công ty Cổ phần Phát triển Doanh nghiệp Nhỏ và vừa Nhật Bản	-	-	102.941.300	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa Á Châu	189.753.000	-	327.530.097	-
Các khoản phải thu khách hàng	9.900.000	-	80.522.096	-
	<u>932.277.449</u>	<u>-</u>	<u>1.663.696.359</u>	<u>-</u>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	932.277.449	-	1.660.616.359	-
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 28)				

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán khác	17.598.900	-	18.500.000	-
	<u>17.598.900</u>	<u>-</u>	<u>18.500.000</u>	<u>-</u>

6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	24.890.840	-	184.201.800	-
	<u>24.890.840</u>	<u>-</u>	<u>184.201.800</u>	<u>-</u>

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.984.527	-	13.074.000	-
Công cụ, dụng cụ	39.895.976	-	47.417.643	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.321.714.996	-	9.137.216.891	-
Hàng hoá	72.245.000	-	62.165.000	-
	<u>9.440.840.499</u>	<u>-</u>	<u>9.259.873.534</u>	<u>-</u>

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	203.936.364	903.354.002	1.107.290.366
Số dư cuối năm	<u>203.936.364</u>	<u>903.354.002</u>	<u>1.107.290.366</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	56.360.148	610.701.446	667.061.594
- Khấu hao trong năm	28.333.327	180.670.800	209.004.127
Số dư cuối năm	<u>84.693.475</u>	<u>791.372.246</u>	<u>876.065.721</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	147.576.216	292.652.556	440.228.772
Tại ngày cuối năm	<u>119.242.889</u>	<u>111.981.756</u>	<u>231.224.645</u>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 43.936.364 đồng.

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	119.239.959	60.709.343
Chi phí sửa chữa	51.533.690	13.538.970
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	25.437.502
	<u>170.773.649</u>	<u>99.685.815</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	24.766.680	33.335.859
	<u>24.766.680</u>	<u>33.335.859</u>

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch	5.210.481.891	-	5.950.289.673	5.950.289.673
Phải trả các đối tượng khác	40.946.014	-	47.621.450	47.621.450
	<u>5.251.427.905</u>	<u>-</u>	<u>5.997.911.123</u>	<u>5.997.911.123</u>
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	5.246.323.905	5.246.323.905	5.997.911.123	5.997.911.123

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 28)

Công ty Cổ phần Cây xanh Nhơn Trạch
 Đường số 7, Khu đô thị Đồng Sài Gòn, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	271.465.242	1.157.632.408	1.145.208.927	-	283.888.723
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	43.596.587	-	164.244.584	163.248.628	42.600.631	-
Thuế Thu nhập cá nhân	374.674	-	46.762.978	49.972.166	3.583.862	-
	43.971.261	271.465.242	1.368.639.970	1.358.429.721	46.184.493	283.888.723

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Trích thưởng nhân viên lương tháng 13	595.856.024	-
- Chi phí phải trả khác	30.000.000	-
	625.856.024	-

13 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Phải trả tiền mượn	100.000.000	-
	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 28)	<u>100.000.000</u>	<u>-</u>

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	3.700.000.000	1.134.597.965	4.834.597.965
Lãi trong năm trước	-	937.668.828	937.668.828
Chia cổ tức năm 2019		(370.000.000)	(370.000.000)
Số dư cuối năm trước	<u>3.700.000.000</u>	<u>1.702.266.793</u>	<u>5.402.266.793</u>
Số dư đầu năm nay	3.700.000.000	1.702.266.793	5.402.266.793
Lãi trong năm nay	-	626.978.334	626.978.334
Phân phối lợi nhuận	-	(444.000.000)	(444.000.000)
Số dư cuối năm nay	<u>3.700.000.000</u>	<u>1.885.245.127</u>	<u>5.585.245.127</u>

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 01/2021 ngày 29 tháng 01 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00	937.668.828
Chi trả cổ tức (Tỷ lệ chi trả cổ tức là 12% theo mệnh giá mệnh giá 1 cổ phần)	47,35	444.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch	67,57	2.500.000.000	67,57	2.500.000.000
- Quách Thị Ngọc Hà	13,51	500.000.000	13,51	500.000.000
- Nguyễn Ngọc Như Anh	5,41	200.000.000	5,41	200.000.000
- Cổ đông khác	13,51	500.000.000	13,51	500.000.000
	<u>100</u>	<u>3.700.000.000</u>	<u>100</u>	<u>3.700.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	3.700.000.000	3.700.000.000
- Vốn góp cuối năm	3.700.000.000	3.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	444.000.000	370.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	444.000.000	370.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(444.000.000)	(370.000.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(444.000.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	(370.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	370.000	370.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	370.000	370.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	370.000	370.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng	2.266.418.750	1.507.698.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.884.661.872	11.530.861.336
	15.151.080.622	13.038.559.336
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28.)	14.217.040.322	11.900.695.245

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.791.717.722	509.121.711
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.391.826.932	9.572.109.156
	12.183.544.654	10.081.230.867

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.150.149	931.522
	<u>1.150.149</u>	<u>931.522</u>

18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	54.425.298	-
	<u>54.425.298</u>	<u>-</u>

19 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.050.000	30.782.800
	<u>2.050.000</u>	<u>30.782.800</u>

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.179.685	77.490.211
Chi phí nhân công	1.952.237.771	1.646.015.555
Thuế, phí, và lệ phí	2.000.000	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.938.859	80.106.815
Chi phí khác bằng tiền	43.974.146	29.867.689
	<u>2.121.330.461</u>	<u>1.835.480.270</u>

21 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập khác	342.560	-
	<u>342.560</u>	<u>-</u>

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>	791.222.918	1.091.996.921
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	30.000.000	10.346.605
Các khoản điều chỉnh tăng	30.000.000	10.346.605
- Chi phí không hợp lệ	821.222.918	1.102.343.526
Thu nhập chịu thuế TNDN		
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>164.244.584</u>	<u>220.468.705</u>
Thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết 116/2020/QH14	-	66.140.612
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>164.244.584</u>	<u>154.328.093</u>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(43.596.587)	72.612.574
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(163.248.628)	(270.537.254)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	<u>(42.600.631)</u>	<u>(43.596.587)</u>

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	626.978.334	937.668.828
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	626.978.334	937.668.828
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	370.000	370.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.695</u>	<u>2.534</u>

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.721.291.058	2.125.998.796
Chi phí nhân công	10.571.854.524	9.412.168.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	209.004.127	195.291.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	896.891.529	372.077.597
Chi phí khác bằng tiền	92.381.982	31.867.689
	<u>14.491.423.220</u>	<u>12.137.403.529</u>

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2021	01/01/2021
		Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.030.863.976	-	543.996.093
Phải thu khách hàng, phải thu khác	957.168.289	-	1.847.898.159
	<u>2.988.032.265</u>	<u>-</u>	<u>2.391.894.252</u>

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		-	-
Phải trả người bán, phải trả khác		5.351.427.905	5.997.911.123
Chi phí phải trả		625.856.024	-
		<u>5.977.283.929</u>	<u>5.997.911.123</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.030.863.976	-	-	2.030.863.976
Phải thu khách hàng, phải thu khác	957.168.289	-	-	957.168.289
	<u>2.988.032.265</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.988.032.265</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	543.996.093	-	-	543.996.093
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.847.898.159	-	-	1.847.898.159
	<u>2.391.894.252</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.391.894.252</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	5.351.427.905	-	-	5.351.427.905
Chi phí phải trả	625.856.024	-	-	625.856.024
	<u>5.977.283.929</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.977.283.929</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	47.621.450	5.950.289.673	-	5.997.911.123
	<u>47.621.450</u>	<u>5.950.289.673</u>	<u>-</u>	<u>5.997.911.123</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a)	Số tiền đi vay thực thu trong năm		
	Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	2.000.000.000	-
b)	Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
	Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	2.000.000.000	-

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Tín Nghĩa	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển KCN Tín Nghĩa	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần KCN Tín Nghĩa Phương Đông	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cà phê Tín Nghĩa	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa Á Châu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Doanh nghiệp Nhỏ và vừa Nhật Bản	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần XNK Xăng dầu Tín Nghĩa	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến XNK Nông Sản Thực Phẩm Đồng Nai	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Scafe	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương Mại và Xây dựng Phước Tân	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thống Nhất	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Doanh nghiệp	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa	Công ty trong cùng tập đoàn
Bà Quách Thị Diệu	Vợ Giám đốc Công ty
Công ty TNHH Vietcons Việt Nam	Doanh nghiệp do giám đốc Công ty là Giám đốc

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.217.040.322	11.900.695.245
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch	2.135.737.639	1.770.092.124
- Công ty Cổ phần Phát triển KCN Tín Nghĩa	3.356.874.656	3.037.943.104
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	4.211.197.161	3.126.509.949
- Công ty Cổ phần Thống Nhất	1.348.533.526	1.145.797.194
- Công ty Cổ phần Thương Mại và Xây dựng Phước Tân	89.400.000	131.900.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Doanh nghiệp Nhỏ và vừa Nhật Bản	860.670.590	1.155.823.582
- Công ty Cổ phần Cà phê Tín Nghĩa	191.000.000	312.000.000
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa	-	29.473.600
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa Á Châu	2.023.626.750	1.191.155.692
Mua hàng hóa, vật tư	398.256.037	316.475.464
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch	16.187.577	40.701.482
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	17.659.908	14.386.500
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa	225.010.843	152.559.599
- Công ty Cổ phần XNK Xăng dầu Tín Nghĩa	131.397.709	71.991.519
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa Á Châu	8.000.000	30.000.000
- Công ty Cổ phần Chế biến XNK Nông Sản Thực Phẩm Đồng Nai	-	6.836.364
Chi phí lãi vay	51.765.298	-
- Bà Quách Thị Diệu	38.066.667	-
- Công ty TNHH Vietcons Việt Nam	13.698.631	-
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	932.277.449	1.660.616.359
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch	159.953.709	234.259.980
- Công ty Cổ phần Phát triển KCN Tín Nghĩa	245.080.740	264.788.586
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	327.590.000	653.654.300
- Công ty Cổ phần Cà phê Tín Nghĩa	9.900.000	74.200.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Doanh nghiệp Nhỏ và vừa Nhật Bản	-	102.941.300
- Công ty Cổ phần Xăng Dầu Tín Nghĩa	-	3.242.096
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa Á Châu	189.753.000	327.530.097
Phải trả cho người bán ngắn hạn	5.246.323.905	5.997.911.123
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch	5.210.481.891	5.950.289.673
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa	3.929.254	-
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa	31.912.760	17.621.450
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Tín Nghĩa Á Châu	-	30.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	100.000.000	-
- Bà Quách Thị Diệu	100.000.000	-



Công ty Cổ phần Cây xanh Nhơn Trạch
Đường số 7, Khu đô thị Đồng Sài Gòn, xã Long Tân,
huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

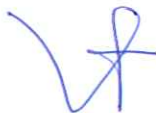
Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

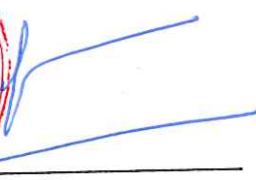
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Thị Thủy
Người lập



Lê Thị Thủy
Kế toán trưởng



Khương Nguyễn Đức Huy

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 01 năm 2022

